

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH

Hồ Nguyễn Xuân Trang

NGHIÊN CỨU MỘT SỐ KỸ NĂNG SƯ
PHẠM
CỦA GIÁO VIÊN MẦM NON

Chuyên ngành: Tâm lý học chuyên ngành
Mã số: 60 31 80

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ TÂM LÝ HỌC

Người hướng dẫn khoa học:

TS. TRẦN THỊ QUỐC MINH

Thành phố Hồ Chí Minh – Năm 2006

Lời Cảm Ơn

Xin chân thành cảm ơn Ban giám hiệu, Phòng khoa học công nghệ - sau đại học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh đã tạo điều kiện thuận lợi cho chúng tôi trong suốt khóa học và trong quá trình hoàn thành luận văn này.

Xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo đã tận tình giảng dạy chỉ dẫn, cung cấp tài liệu và mang lại cho chúng tôi những tri thức cần thiết và quý báu.

Đặc biệt xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến Tiến sĩ Trần Thị Quốc Minh đã tận tâm hướng dẫn Tôi hoàn thành luận văn này.

Xin chân thành cảm ơn các giảng viên sư phạm, toàn thể sinh viên khóa 16 Khoa mầm non - Trường CĐSP Mẫu giáo TW3, các giảng viên sư phạm Trường Trung học Sư phạm Mầm non TP. Hồ Chí Minh và đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên mầm non các trường: Mầm non BC Bến Thành – Q1; Mầm non TH 19/5 – Q1; Mẫu giáo thực hành TW3; Mẫu giáo Sài Gòn; Mầm non 8, 9 – Q5 -TP. Hồ Chí Minh đã tạo mọi điều kiện giúp đỡ Tôi hoàn thành luận văn này.

TP. HCM, ngày 20 tháng 6 năm 2006

Hồ Nguyễn Xuân Trang

BẢNG CHỮ VIẾT TẮT TRONG LUẬN VĂN

GD & ĐT : Giáo dục và đào tạo

CĐSP : Cao đẳng Sư phạm

GVSP : Giảng viên sư phạm

GVMN : Giáo viên mầm non

CBQL : Cán bộ quản lý

SVNC : Sinh viên năm cuối

KN : Kỹ năng

NCKH : Nghiên cứu khoa học

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài.

Đảng và Nhà nước ta luôn coi giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, vì thế Chỉ thị 40-CT/TW ra đời thể hiện sự quan tâm rất lớn của Đảng và Nhà nước tới đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và xem đây là khâu then chốt để nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. [4]

Trong hệ thống Giáo dục quốc dân, Giáo dục mầm non là bậc học đầu tiên có vị trí quan trọng trong chiến lược phát triển nguồn lực con người. Trong quá trình giáo dục con người thì người giáo viên giữ vị trí quan trọng nhất. Đội ngũ giáo viên là lực lượng cốt cán biến các mục tiêu giáo dục thành hiện thực, giữ vai trò quyết định chất lượng và hiệu quả giáo dục. Đội ngũ giáo viên phải được đào tạo một cách hệ thống trong trường sư phạm, nhằm cung cấp cho họ những hiểu biết rộng, linh hoạt, nhạy bén, có chuyên môn sâu, có kỹ năng đáp ứng với công tác giảng dạy theo yêu cầu đổi mới hiện nay của xã hội. Việc đào tạo và bồi dưỡng giáo viên mầm non là nhiệm vụ quan trọng của các trường, khoa sư phạm mầm non. Trong quá trình đào tạo, sinh viên không những được trang bị kiến thức lý luận về khoa học giáo dục mầm non nói chung mà còn được thực hành rèn luyện kỹ năng nghề sư phạm mầm non nói riêng.

Việc nâng cao hiệu quả đào tạo, đặc biệt là rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho giáo viên mầm non đòi hỏi phải giải quyết đồng bộ nhiều vấn đề, từ đánh giá thực trạng kỹ năng nghề nghiệp cho đến đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo trong nhà trường và trong thực tiễn giáo dục mầm non. Về phương diện lý luận cần nhận thức rõ khái niệm kỹ năng, về phương diện thực tiễn cần xác định được hệ thống những kỹ năng nghề nghiệp thiết yếu nhất cần phải bồi dưỡng rèn luyện cho giáo viên mầm non. Có như vậy việc đào tạo tay nghề cho giáo viên mầm non mới có căn cứ khoa học mang tính thiết thực và hiệu quả.

Nghề giáo viên mầm non là một nghề đòi hỏi có sự kết hợp của ba loại nghề: Giáo viên, thầy thuốc, nghệ sĩ. Người giáo viên mầm non cùng một lúc phải làm tốt chức năng của người mẹ, người giáo viên, người thầy thuốc, người nghệ sĩ và người bạn của trẻ em tuổi mầm non.

Những nghiên cứu chuyên biệt đã chỉ ra rằng, trong hệ thống những kỹ năng sư phạm của giáo viên mầm non, ngoài những điểm chung với những kỹ năng của giáo viên các bậc học khác còn có những đặc điểm riêng của bậc học mầm non. Chính vì vậy, những kỹ năng sư phạm mầm

non rất đa dạng. Người giáo viên mầm non được gọi là lành nghề chỉ khi ở họ có các kỹ năng sư phạm mầm non đầy đủ và ở mức độ cao, đặc biệt là những kỹ năng sư phạm mầm non trong hoạt động dạy học ở trường mầm non. Các kỹ năng sư phạm cần được hình thành ngay từ trên ghế trường sư phạm mầm non và tiếp tục hoàn thiện trong quá trình lao động nghề nghiệp.

Việc xác lập hệ thống những kỹ năng sư phạm mầm non đặc biệt là những kỹ năng sư phạm mầm non trong hoạt động dạy học của giáo viên mầm non còn chưa được nghiên cứu đầy đủ, tạo ra khoảng trống trong công tác nghiên cứu. Do vậy, chúng tôi nhận thấy việc nghiên cứu về hệ thống những kỹ năng nghề sư phạm mầm non đặc biệt là những kỹ năng sư phạm mầm non trong hoạt động dạy học ở trường mầm non, mức độ hình thành các kỹ năng đó ở giáo viên mầm non có ý nghĩa nhất định về mặt thực tiễn cũng như về mặt lý luận nên mạnh dạn chọn đề tài nghiên cứu là: *“Nghiên cứu một số kỹ năng sư phạm của giáo viên mầm non”*.

2. Mục đích nghiên cứu.

Trên cơ sở lý luận và khảo sát thực tiễn về kỹ năng sư phạm, phát hiện thực trạng kỹ năng sư phạm mầm non, đề xuất biện pháp tác động nhằm hình thành và phát triển kỹ năng sư phạm mầm non cho sinh viên, giáo viên mầm non.

3. Khách thể nghiên cứu.

Hoạt động sư phạm của giáo viên mầm non, đặc biệt là hoạt động dạy học của giáo viên mầm non.

4. Đối tượng nghiên cứu.

Một số kỹ năng sư phạm trong hoạt động dạy học của giáo viên mầm non.

5. Giả thuyết khoa học.

Nếu xác định được hệ thống các kỹ năng sư phạm mầm non và mức độ hình thành các kỹ năng sư phạm đó, đặc biệt là một số kỹ năng sư phạm mầm non trong hoạt động dạy học để đề ra các biện pháp tác động sư phạm phù hợp thì việc rèn kỹ năng nghề sư phạm mầm non sẽ đạt kết quả hơn.

6. Nhiệm vụ nghiên cứu.

6.1. Nghiên cứu cơ sở lý luận liên quan đến đề tài: Hệ thống hóa một số khái niệm về nghề sư phạm, nghề sư phạm mầm non, kỹ năng, kỹ năng sư phạm, kỹ năng nghề của giáo viên mầm non, đặc điểm lao động của nghề sư phạm, đặc điểm hoạt động dạy học ở trường mầm non.

6.2. Tìm hiểu thực trạng kỹ năng sư phạm của giáo viên mầm non trong hoạt động dạy học.

6.3. Đề xuất một số biện pháp hình thành kỹ năng sư phạm mầm non trong hoạt động dạy học cho giáo viên mầm non.

7. Phương pháp nghiên cứu.

Đề tài được thực hiện với sự phối hợp các phương pháp sau đây:

7.1. Phương pháp nghiên cứu lý luận.

Nghiên cứu các nguồn tài liệu, sách tham khảo và các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài.

7.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn.

7.2.1 Phương pháp điều tra:

Sử dụng phiếu điều tra để tìm hiểu ý kiến của giảng viên sư phạm, sinh viên, giáo viên mầm non và cán bộ quản lý Giáo dục mầm non về hệ thống kỹ năng sư phạm và thực trạng mức độ hình thành kỹ năng sư phạm mầm non trong hoạt động dạy học của giáo viên mầm non.

7.2.2 Phương pháp quan sát:

Quan sát và ghi chép một số hoạt động dạy học để góp phần ghi nhận thêm về thực trạng mức độ hình thành kỹ năng sư phạm mầm non trong hoạt động dạy học của giáo viên mầm non.

7.2.3 Phương pháp đàm thoại:

Trao đổi với một số giáo viên sư phạm, cán bộ quản lý, giáo viên mầm non ở một số trường sư phạm mầm non và trường mầm non về thực trạng mức độ hình thành kỹ năng sư phạm mầm non trong hoạt động dạy học của sinh viên và giáo viên mầm non.

7.2.4 Phương pháp thực nghiệm tác động sư phạm.

** Trên đây chúng tôi sử dụng phương pháp điều tra là phương pháp chính, các phương pháp khác chỉ là hỗ trợ.*

7.3. Phương pháp xử lý thông tin:

Các số liệu thu được trong quá trình nghiên cứu được xử lý bằng toán thống kê theo chương trình phần mềm vi tính: *SPSS for Windows version 13.0* (thống kê theo tỷ lệ %, tính độ tin cậy, tìm sự khác biệt có ý nghĩa . . .)

8. Giới hạn và phạm vi nghiên cứu.

Do điều kiện và thời gian có hạn nên đề tài này được giới hạn trong phạm vi cụ thể như sau:

- Chỉ nghiên cứu một số kỹ năng sư phạm mầm non trong hoạt động dạy học của giáo viên mầm non và cụ thể là *kỹ năng sư phạm mầm non trong hoạt động dạy giờ học phát triển ngôn ngữ cho trẻ tuổi mẫu giáo*.

* **Địa bàn nghiên cứu:** Trường CDSP Mẫu giáo TW3; Trường THSP Mầm non TP. Hồ Chí Minh; Trường mầm non Thực hành 19/5 TP. Hồ Chí Minh; Trường mầm non BC Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Trường mẫu giáo thực hành TW3; Trường Mẫu giáo Sài Gòn; Trường mầm non 8, 9 Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

9. Đóng góp của đề tài.

- Bước đầu nghiên cứu một cách có hệ thống các kỹ năng sư phạm mầm non trong hoạt động dạy học của giáo viên mầm non

- Chỉ ra được thực trạng về mức độ hình thành những kỹ năng sư phạm của giáo viên mầm non để góp phần định hướng cho công tác đào tạo giáo viên mầm non tương lai, bồi dưỡng, rèn luyện tay nghề cho sinh viên Sư phạm mầm non và giáo viên mầm non đang công tác tại các trường mầm non.

Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1.1- TỔNG QUAN NHỮNG VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU.

1.1.1- Ở nước ngoài.

Vấn đề kỹ năng, kỹ năng nghề nghiệp đã được các nhà nghiên cứu trên thế giới quan tâm từ rất lâu. Từ thời Hy Lạp cổ đại đến nay đã rất nhiều công trình nghiên cứu, nhiều sách vở nói về vấn đề này. Đó là những công trình của Arixtốt (384 – 322 TCN); G. G. Rutxô (Pháp); K. Đ. Usinxki (Nga); I. A. Komenxki (Tiệp); T. Oatsơn (Anh); B. P. Skinner . . . Các nhà Tâm lý học và Giáo dục học Nga như: N.Đ.Lêvitôv, V.S.Kuzin, V.A. Krutetxki, A.G.Côvaliôv đã nghiên cứu bản chất, khái niệm kỹ năng, các giai đoạn, các quy luật và các điều kiện hình thành kỹ năng, mối quan hệ giữa kỹ năng, kỹ xảo, năng lực. Một số tác giả còn nghiên cứu kỹ năng trong mối quan hệ với các phương tiện lao động như: K.K. Platonov, G.G. Gôlubev, E.A.Milerian, B.G. Laox, V.V.Tsebursêva . . . Nghiên cứu về kỹ năng sư phạm, các tác giả G.X. Catxchuc, M.A. Menchinxkaia, K.I. Kixegof, N.V.Kuzminca, Ph.N. Gônôbôlin, H.K. Gutsen, Ivavov, Sôcôlôv . . . đều thống nhất đánh giá vai trò của kỹ năng trong hoạt động sư phạm của giáo viên và vai trò của việc tự rèn luyện kỹ năng trong hình thành kỹ năng sư phạm.

Trong các công trình nghiên cứu về kỹ năng hoạt động sư phạm, K.I. Kixegof đã phân tích khá sâu về kỹ năng. Khi tiến hành thực nghiệm hình thành kỹ năng ở sinh viên sư phạm ông đã đưa ra ý kiến *“Kỹ năng hoạt động sư phạm có đối tượng là con người. Hoạt động sư phạm rất phức tạp đòi hỏi sự sáng tạo, không thể hoạt động theo khuôn mẫu cứng nhắc. Kỹ năng hoạt động sư phạm, một mặt đòi hỏi tính nghiêm túc, mặt khác đòi hỏi tính mềm dẻo cao”* [34]

Ông phân biệt hai kỹ năng:

- *Kỹ năng bậc thấp (kỹ năng nguyên sinh)*: được hình thành lần đầu tiên qua các hoạt động giản đơn, nó là cơ sở hình thành kỹ xảo.

- *Kỹ năng bậc cao*: là kỹ năng nảy sinh lần thứ hai sau khi đã có các tri thức và các kỹ xảo.

Trong tổng quan những nghiên cứu về kỹ năng của các nhà Tâm lý học và Giáo dục học Xô Viết, PGS. TS. Nguyễn Quang Uẩn đã chỉ ra ba hướng nghiên cứu về kỹ năng như sau:

- *Hướng thứ nhất*: Các tác giả đại diện như: N.Đ. Lêvitôv, V.S. Kuzin, V.A. Krutetxki, A.G. Côvaliôv . . . đã nghiên cứu kỹ năng ở mức độ đại cương, khái quát về bản chất khái niệm kỹ

năng, các giai đoạn, các quy luật và các điều kiện hình thành kỹ năng, mối quan hệ qua lại giữa kỹ năng, kỹ xảo, năng lực.

- *Hướng thứ hai:* Gồm các tác giả khác như: K.K. Platonov, G.G. Gôlubev, E.A. Milerian, B.G. Laox, V.V. Tsebursêva . . . lại nghiên cứu kỹ năng ở góc độ tâm lý học lao động, xem xét vấn đề kỹ năng trong mối quan hệ giữa con người với máy móc và công cụ, phương tiện, điều kiện lao động. Đặc biệt N.K Crupxkaia rất quan tâm đến việc hình thành những kỹ năng lao động cho học sinh phổ thông trong việc dạy hướng nghiệp cho họ [*N.K Crupxkaia, tuyển tập sư phạm, Matxcova-1959*]

- *Hướng thứ ba:* Với các tác giả như: G.X. Catxchuc, M.A. Menchinxkaia, K.I. Kixegof . . . cũng nghiên cứu kỹ năng hoạt động sư phạm và vấn đề hình thành kỹ năng hoạt động ở học sinh [33]

Trước những năm 1970 trong sách Tâm lý học của Liên Xô, kỹ năng được coi là giai đoạn đầu của những hành động tự động hoá. Ví dụ, trong sách “Tâm lý học lao động” của H.Đ. Lêvitov, kỹ năng được đặt trong chương “hành động”.

Sau năm 1970 khi lý thuyết hoạt động của AN. Leonchep ra đời, hàng loạt những công trình nghiên cứu về kỹ năng, kỹ xảo được công bố dưới ánh sáng của thuyết hoạt động. Những công trình này đã phân biệt rõ hai khái niệm kỹ năng và kỹ xảo, chỉ ra con đường hình thành chúng. Các tác giả đã nhấn mạnh điều kiện hình thành kỹ năng là tri thức và kinh nghiệm trước đó. Trong tác phẩm “Nghề của tôi- Giáo viên mầm non” Tác giả V. P. Smưch đã nhấn mạnh rằng: Để hình thành kỹ năng sư phạm vấn đề quan trọng phải có tình cảm, hứng thú đến với nó mới làm cho quá trình rèn luyện rút ngắn và đỡ tiêu hao sức lực [31]. Tác giả E.A. Milerian trong luận án tiến sĩ về kỹ năng lao động chung đã đưa ra khái niệm kỹ năng. Ông coi kỹ năng là một thành phần, một mức độ năng lực của con người.

Tác giả V.A. Xlaxtrênhin trong tác phẩm “Hình thành nhân cách người giáo viên trong quá trình đào tạo nghề sư phạm” [49] đã chỉ ra các kỹ năng cần hình thành để người giáo viên có được năng lực sư phạm cần thiết. Các tác giả L.G.Xemusina và E.A.Pancô nghiên cứu về kỹ năng và kỹ xảo nghề nghiệp của giáo viên mầm non cũng đã cho thấy những đặc thù của kỹ năng nghề giáo viên mầm non [35]

Tất cả các nhà nghiên cứu đã thống nhất đánh giá vai trò quan trọng của kỹ năng trong mọi lĩnh vực hoạt động, đặc biệt là những kỹ năng sư phạm của nhà giáo. Những kỹ năng này phải

được hình thành trong khi đang học tập tại trường sư phạm. Từ những quan điểm trên đã cho ta một cách nhìn cơ bản và toàn diện hơn về quá trình hình thành kỹ năng sư phạm cho giáo viên tương lai.

1.1.2- Ở Việt Nam.

Ở Việt Nam, Tâm lý học là một ngành khoa học còn non trẻ. Tuy vậy, ngay từ khi mới thành lập, tập thể các nhà nghiên cứu đã tập trung nghiên cứu các vấn đề quan trọng như: làm rõ khái niệm về kỹ năng, kỹ năng lao động, kỹ năng sư phạm, kỹ năng tổ chức, kỹ năng quản trị kinh doanh, kỹ năng quản lý v.v . [5]. Nguyễn Quang Uẩn trong *Tâm lý học đại cương* (1995) đã khẳng định : “*cùng với năng lực thì tri thức, kỹ năng, kỹ xảo thích hợp cũng rất cần thiết cho việc thực hiện có kết quả một hoạt động. Có tri thức, kỹ năng, kỹ xảo trong một lĩnh vực nào đó là điều kiện cần thiết để có năng lực trong lĩnh vực này*” [48]

Trần Trọng Thủy trong *Tâm lý học lao động* (1978) đã đi sâu nghiên cứu kỹ năng lao động công nghiệp. Ông đã nêu khái niệm về kỹ năng, các điều kiện hình thành kỹ năng hoạt động lao động [44]. Còn GS.Nguyễn Hữu Dũng trong “*Hình thành kỹ năng sư phạm cho sinh viên sư phạm*” (1995) lại quan tâm đến việc hình thành kỹ năng sư phạm cho sinh viên sư phạm. Ông đã nêu ra sự hạn chế trong việc hình thành cho sinh viên sư phạm những kỹ năng sư phạm cần thiết và khẳng định: “*cần hết sức coi trọng việc hình thành kỹ năng sư phạm cho sinh viên ngay khi họ đang học ở trường sư phạm*” [14]

Nguyễn Văn An, Nguyễn Ngọc Bảo, Ngô Hiệu, Ngô Văn Tranh, Đặng Vũ Hoạt, Nguyễn Việt Bắc, Hồ Ngọc Đại, Trần Anh Tuấn đã nghiên cứu kỹ năng hoạt động sư phạm. *Các tác giả đã nhấn mạnh quy trình hình thành kỹ năng sư phạm cho sinh viên các trường sư phạm.*[2, 5, 18, 19, 46].

Trong lĩnh vực đào tạo giáo viên mầm non, cũng đã có nhiều đề tài nghiên cứu các kỹ năng nghề giáo viên mầm non cụ thể các tác giả như: TS. Trần Thị Quốc Minh trong luận án: “*Phân tích tâm lý tình huống có vấn đề trong quan hệ giữa giáo viên và trẻ mẫu giáo*” - (1996) đã xây dựng hệ thống kỹ năng phân tích tâm lý các tình huống có vấn đề nảy sinh trong hoạt động của giáo viên mầm non với trẻ mẫu giáo, qua đó tác giả đã chỉ rõ những kỹ năng vận dụng lý luận vào thực tiễn để giải quyết vấn đề trong hoạt động nghề nghiệp [31], TS. Hoàng Thị Oanh trong nghiên cứu: “*Kỹ năng tổ chức trò chơi đóng vai có chủ đề cho trẻ mẫu giáo bé (3 – 5 tuổi) của sinh viên trường CDSP Nhà trẻ – Mẫu giáo*”; TS. Đỗ Thị Minh Liên trong: “*Một số*

biện pháp và quy trình rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên"; ThS. Trần Thị Thanh trong: *"Bàn về nhân cách người giáo viên mầm non đáp ứng với yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non"* cũng đề cập đến kỹ năng nghề nghiệp của giáo viên mầm non; Trịnh Thị Minh Loan trong *"Những kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cần hình thành cho giáo sinh/ sinh viên mầm non, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non"*, đã đưa ra được những kết quả nghiên cứu ban đầu về các kỹ năng sư phạm. Trần Thị Bích Liễu khi nghiên cứu các kỹ năng quản lý trường mầm non, đã đưa ra một hệ thống các kỹ năng quản lý cần thiết đối với hiệu trưởng trường mầm non; TS. Trần Thị Ngọc Chúc trong luận án tiến sĩ *"Biện pháp tổ chức việc rèn luyện kỹ năng nghề cho giáo sinh hệ THSP mầm non 12+2"* đã làm rõ và hệ thống hóa kỹ năng nghề, đặc điểm của quá trình hình thành kỹ năng nghề, trình độ kỹ năng nghề ở giáo sinh. [34, 26, 27, 43, 11].

Tất cả các công trình nghiên cứu đã cho thấy, khả năng giải quyết những nhiệm vụ sư phạm phụ thuộc vào mức độ hình thành kỹ năng sư phạm ở người giáo viên. Nói cách khác muốn thực thi có kết quả những nhiệm vụ sư phạm người giáo viên cần có một hệ thống những kỹ năng sư phạm, nhờ đó giải quyết được những nhiệm vụ của mình một cách chuyên nghiệp. Hệ thống những kỹ năng này cần được hình thành ở người giáo sinh ngay khi còn đang học ở trường sư phạm và được củng cố, ổn định và phát triển ở môi trường giảng dạy sau này. Vì thế cần phải cải tiến phương pháp, nội dung đào tạo ở các trường sư phạm theo hướng tăng cường rèn luyện những kỹ năng cơ bản trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục của sinh viên. Làm được điều này bằng cách hình thành ở sinh viên một số kỹ năng cốt lõi để vận dụng trong nhiều trường hợp khác nhau. Có thể nói rằng kỹ năng đóng vai trò quan trọng, nó là sản phẩm thể hiện mục đích cuối cùng của đào tạo phương pháp dạy học [2]. Chất lượng của quá trình đào tạo giáo viên mầm non phụ thuộc không nhỏ vào kết quả của việc thực hành rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên, mà trong đó việc lựa chọn những kỹ năng sư phạm là một vấn đề quan trọng và cần thiết, luôn được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu sư phạm hiện nay.

Kết quả các công trình nghiên cứu trên đã thực sự cần thiết cho công tác đào tạo giáo viên mầm non và đã được ứng dụng rộng rãi. Tuy nhiên việc nghiên cứu xây dựng bộ chuẩn kỹ năng trong đào tạo nghề giáo viên mầm non chưa được thống nhất. Đặc biệt hệ thống kỹ năng sư phạm mầm non trong hoạt động dạy học chưa được đầu tư nghiên cứu riêng biệt. Thực tế trước lúc ra trường, sinh viên các trường Đại học nói chung và sinh viên trường CĐSP mầm non nói riêng, mặc dù đã được trang bị khá đầy đủ kiến thức khoa học cơ bản, khoa học sư phạm, hình

thành một số kỹ năng nghề nghiệp ban đầu nhưng sinh viên năm cuối còn nhiều lúng túng, ngỡ ngàng khi bắt đầu hoạt động độc lập ở trường mầm non. Điều này là do việc hình thành cho sinh viên sắp tốt nghiệp những kỹ năng sư phạm mầm non cần thiết còn nhiều hạn chế, nhất là những kỹ năng sư phạm mầm non trong hoạt động dạy học.

Tóm lại các công trình nghiên cứu lý luận và thực tiễn ở Việt Nam và trên thế giới đã nghiên cứu nhiều về kỹ năng, kỹ năng nghề sư phạm, kỹ năng nghề giáo viên mầm non, các biện pháp rèn kỹ năng nghề, các đặc điểm hình thành kỹ năng nghề giáo viên mầm non. . . Tuy nhiên, chưa có nghiên cứu nào đi sâu nghiên cứu hệ thống kỹ năng nghề giáo viên mầm non trong hoạt động dạy học ở trường mầm non, điều này tạo ra một “điểm trống” cần phải được nghiên cứu.

1.2- CÁC KHÁI NIỆM CÔNG CỤ.

1.2.1- Khái niệm nghề sư phạm (dạy học) – Nghề sư phạm mầm non.

1.2.1.1- Khái niệm nghề sư phạm (dạy học).

Có thể nói rằng nghề nghiệp là một thuật ngữ để chỉ một hình thức lao động trong xã hội theo sự phân công lao động mà con người sử dụng sức lao động của mình để tạo ra những sản phẩm vật chất, tinh thần cho xã hội. Nghề nghiệp là một tổ hợp những chuyên môn có quan hệ cùng loại với nhau. Một nghề bao gồm nhiều chuyên môn. Nghề dạy học (sư phạm) trong Từ điển *Giáo dục học* (2001) được ghi là nghề có nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục trong nhà trường hoặc các cơ sở giáo dục khác. Những người làm nghề dạy học, theo luật giáo dục được gọi là nhà giáo.

Với chức năng “Trồng người” nghề dạy học là nghề mà đối tượng quan hệ trực tiếp là con người, là thế hệ trẻ đang trưởng thành, là một nghề có ý nghĩa xã hội rất thiêng liêng và cao quý. Do đặc điểm lao động và đối tượng lao động mà nghề dạy học được tôn vinh là “Nghề cao quý”, là “Nghề sáng tạo”. Do vậy, có thể hiểu nghề dạy học đó là lĩnh vực hoạt động của người thầy giáo theo sự phân công của xã hội, trong đó người thầy sử dụng các năng lực thể chất và tinh thần của mình để dạy dỗ, giáo dục, đào tạo thế hệ trẻ trở thành con người hữu ích cho xã hội. Trên cơ sở khái niệm nghề dạy học (sư phạm), khái niệm nghề sư phạm mầm non, nghề giáo viên mầm non được xác định là lĩnh vực hoạt động của người giáo viên mầm non theo sự phân công của xã hội, trong đó người giáo viên mầm non sử dụng các năng lực thể chất và tinh

thần của mình để chăm sóc, giáo dục trẻ từ 3 tháng đến 6 tuổi theo những mục tiêu, yêu cầu, phương pháp, hình thức tổ chức, nội dung giáo dục mầm non mà xã hội đòi hỏi.

1.2.1.2- Đặc điểm lao động của nghề sư phạm (dạy học), nghề sư phạm mầm non (giáo viên mầm non).

**** Đặc điểm lao động của nghề sư phạm.***

Lao động sư phạm của người thầy giáo không giống lao động của các ngành nghề khác, nó mang nét riêng, độc đáo mà không nghề nào có được. Đó là lao động đặc biệt, lao động sản xuất phi vật chất. Nó được thể hiện rõ ở các đặc điểm: mục đích, đối tượng, công cụ, điều kiện và sản phẩm của lao động sư phạm.

**** Đặc điểm lao động của nghề sư phạm mầm non (giáo viên mầm non).***

Ngoài các đặc điểm chung của lao động sư phạm (của các giáo viên dạy các bậc học khác), lao động của giáo viên mầm non còn có những đặc thù nhất định. Lao động của giáo viên mầm non trong một chừng mực nào đó là sự tổng hòa các đặc điểm lao động của nhà giáo dục, lao động của người Mẹ, lao động của người thầy thuốc và lao động của người nghệ sĩ. Nó được thể hiện rõ ở các đặc điểm như mục đích lao động, đối tượng lao động, phương tiện lao động, môi trường lao động và sản phẩm lao động. Do đối tượng hoạt động sư phạm của giáo viên mầm non là trẻ tuổi từ 3 tháng đến 6 tuổi, độ tuổi phát triển mãnh liệt cả về tâm lý lẫn sinh lý cho nên giáo viên mầm non không những dạy trẻ, giáo dục trẻ mà còn phải chăm sóc, nuôi dưỡng, bảo vệ trẻ trong mọi hoạt động của trẻ ở trường Mầm non. Mục đích hoạt động sư phạm của giáo viên mầm non là “*làm phát triển toàn diện trẻ em tuổi mầm non và chuẩn bị cho trẻ đi học ở trường phổ thông có kết quả*”. Nhân cách của trẻ trong tương lai như thế nào sẽ phụ thuộc rất lớn vào công lao dạy dỗ, chăm sóc giáo dục và nuôi dưỡng, bảo vệ của người giáo viên mầm non. Trẻ càng nhỏ thì nhân cách của người giáo viên mầm non càng có ảnh hưởng sâu sắc đến trẻ. Vì thế người giáo viên mầm non có một vị trí cực kỳ quan trọng và phải có nhân cách phù hợp mới có thể hoàn thành tốt nhất công việc giáo dục trẻ, đáp ứng được mục tiêu đổi mới giáo dục mầm non trong giai đoạn hiện nay [31, 43].

Tóm lại, lao động của người giáo viên mầm non không những mang chức năng hình thành và phát triển mà còn có chức năng chăm sóc, nuôi dưỡng và bảo vệ trẻ mầm non.

**** Đặc điểm hoạt động dạy học ở trường mầm non.***

Dạy là truyền lại những kiến thức, kinh nghiệm, đưa đến những thông tin khoa học cho người khác tiếp theo một cách có hệ thống, có phương pháp nhằm mục đích tự nâng cao trình độ văn hóa, năng lực trí tuệ và kỹ năng thực hành trong đời sống thực tế [37].

Xem xét hoạt động dạy học của giáo viên mầm non ở góc độ tìm hiểu quá trình dạy học ở trường mầm non cho thấy: Quá trình dạy học ở trường mầm non là quá trình có mục đích, kế hoạch, là hoạt động tương tác giữa trẻ em và giáo viên. Giáo viên hướng dẫn giải quyết các nhiệm vụ giáo dục, giáo dục và phát triển năng lực nhận thức, góp phần hình thành toàn vẹn nhân cách cho trẻ em. Tác động sư phạm của giáo viên mầm non phải luôn thay đổi, phù hợp với yêu cầu phát triển trong từng giai đoạn của trẻ. Phương tiện giáo dục chủ yếu là đồ dùng, đồ chơi, là môi trường tự nhiên và môi trường xã hội rất phong phú, đa dạng. Giáo viên mầm non cần biết tận dụng triệt để những điều kiện và phương tiện cần thiết, thích hợp để giáo dục trẻ ở mọi lúc mọi nơi và đặc biệt trong giờ học. Tuy nhiên, việc giáo dục trẻ lứa tuổi mầm non không thể thông qua các tiết học như ở trường phổ thông. Giữa tiết học của học sinh và của trẻ mầm non có những điểm chung và điểm khác biệt. Giữa tiết học của học sinh và của trẻ mầm non có những điểm giống nhau: là đều hướng tới mục tiêu học tập, tiếp thu lĩnh hội kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo nào đó được đặt ra một cách rõ ràng; Những yêu cầu đối với việc tiếp thu, lĩnh hội được đặt ra từ bên ngoài (từ xã hội); đều có những yêu cầu mang tính bắt buộc, theo chương trình. Những đặc điểm khác nhau: Đối với học sinh, học tập là nghĩa vụ và trách nhiệm xã hội, còn với trẻ mầm non chưa được xem như là nghĩa vụ, trách nhiệm của trẻ. Kết quả học tập của học sinh là chất lượng kiến thức được đánh giá bằng điểm số, còn trẻ mầm non sau giờ học không cho điểm, không đánh giá bằng điểm. Động cơ – cơ sở của hoạt động học tập của học sinh khác với động cơ – cơ sở của giờ học được tổ chức ở trường mầm non.

Quá trình dạy học ở trường mầm non là quá trình nhằm giúp trẻ lĩnh hội kiến thức, kỹ năng hình thành chính bản thân hoạt động học tập, là nhằm chuẩn bị các năng lực toàn diện cho trẻ vào học phổ thông, là quá trình chuẩn bị sẵn sàng về thể chất, tâm lý, xã hội . . . Trẻ mầm non “học bằng chơi, chơi mà học”, vì hoạt động vui chơi là hoạt động chủ đạo của lứa tuổi này. Do đó, người giáo viên mầm non phải biết “chơi” cùng trẻ và phải có nghệ thuật tổ chức, hướng dẫn trẻ “chơi để mà học”.

*** Xu hướng đổi mới giáo dục mầm non hiện nay.**

+ Về nội dung giáo dục, được xây dựng theo các lĩnh vực phát triển: Thể chất- Nhận thức- Ngôn ngữ- Tình cảm-xã hội – Thẩm mỹ, đảm bảo giáo dục trẻ một cách toàn diện. Các lĩnh vực giáo dục này sẽ được cấu trúc theo hướng tích hợp chủ đề. Lấy bản thân đứa trẻ làm trung tâm, các chủ đề được xây dựng mở rộng dần từ đơn giản đến phức tạp, từ gần đến xa, từ bản thân trẻ đến gia đình, môi trường tự nhiên và môi trường xã hội gần gũi với trẻ. Đồng thời đảm bảo tính tích hợp giữa nội dung nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe với giáo dục phát triển, gắn với cuộc sống thực hàng ngày của trẻ.

+ Đổi mới hình thức tổ chức giáo dục, mỗi hoạt động giáo dục cho trẻ phải mang tính tích hợp nội dung và được thiết kế dưới hình thức vui chơi. Mặt khác, việc tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ, khác với trước đây chỉ chủ yếu theo hình thức chung cả lớp, nay sử dụng nhiều hình thức đa dạng: hoạt động chung cả lớp, hoạt động theo nhóm nhỏ và đặc biệt là hoạt động cá nhân. Mỗi hình thức hoạt động sẽ giúp trẻ phát triển các kỹ năng học tập khác nhau: khi hoạt động cá nhân trẻ được tự tìm hiểu khám phá sự vật hiện tượng theo cách riêng của mình, qua đó phát huy tính chủ động tích cực của trẻ, còn khi tham gia học tập theo nhóm nhỏ hay hoạt động chung cả lớp, trẻ được chia sẻ giúp đỡ lẫn nhau những kinh nghiệm, học cách chung sống và hợp tác trong công việc . . v. v .

+ Về phương pháp giáo dục, người giáo viên cần sử dụng linh hoạt và phối hợp hợp lý các phương pháp giáo dục đặc trưng cho lứa tuổi mầm non trong việc tổ chức cho trẻ hoạt động, chú trọng dạy trẻ cách học, phát huy tính tích cực nhận thức của trẻ và cá nhân hóa quá trình dạy học. Mặt khác, đòi hỏi người giáo viên có những thay đổi về vai trò nhất định, trong lớp học giáo viên trở thành người “tổ chức”, “trọng tài”, “cố vấn” và “kích thích” trẻ tích cực hoạt động nhận thức, giúp trẻ được thỏa mãn nhu cầu học tập cá nhân và được chia sẻ những hiểu biết hay cảm xúc của mình với mọi người xung quanh. Dưới sự hướng dẫn của giáo viên, trong bất kỳ hoạt động nào, trẻ luôn được chủ động tích cực tham gia nhiều nhất và được hoạt động theo hứng thú cá nhân. Giáo viên phải linh hoạt trong việc xác định, lựa chọn và tổ chức các hoạt động đa dạng, giúp trẻ hứng thú tìm hiểu khám phá sự vật hiện tượng theo nhiều cách khác nhau, qua đó phát triển tư duy linh hoạt và rèn luyện khả năng xử lý nhanh các tình huống khác nhau trong cuộc sống.

+ Môi trường học tập của trẻ em phải thực sự là phương tiện cần thiết cho các hoạt động thực hành đa dạng của trẻ, kích thích trẻ hứng thú tham gia hoạt động nhận thức. Trong đó với

đủ các thiết bị đồ dùng cần thiết, được giáo viên tận dụng trong môi trường sống xung quanh (đặc biệt nên khuyến khích trẻ tự làm ra sản phẩm từ các nguyên vật liệu đơn giản có sẵn).

Đổi mới môi trường học tập cho trẻ, còn hướng tới đáp ứng phù hợp với nhu cầu tự chọn hoạt động của trẻ. Trẻ được quyền “chơi” theo ý thích, được vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào các hoạt động khác nhau. Đồng thời, người giáo viên còn phải tạo cơ hội, môi trường phong phú cho trẻ vận dụng các kiến thức đã biết vào các hoạt động mà biện pháp điển hình là xây dựng các góc hoạt động trong lớp cho các nhóm nhỏ và cá nhân trẻ, như: góc chơi đóng vai, góc tạo hình, góc ghép hình – xây dựng, góc âm nhạc, góc thiên nhiên, góc sách- truyện . . v. v .

+ Về phương pháp và hình thức đánh giá chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ, đặc biệt là hình thức đánh giá trẻ, không chỉ giáo viên tiến hành đánh giá trẻ mà còn cho trẻ tự đánh giá mình và đánh giá lẫn nhau.

Trên cơ sở mục đích yêu cầu đề ra của mỗi hoạt động giáo dục, việc đánh giá trẻ cần được tiến hành thường xuyên hàng ngày và theo định kỳ. Bằng việc quan sát trẻ hàng ngày, kết hợp với kết quả đạt được của trẻ (các kỹ năng hay sản phẩm nào đó) qua hoạt động, giáo viên có thể nắm được mức độ đạt được về: Thể lực, kiến thức, kỹ năng hay thái độ . . . của trẻ; Qua đó giáo viên đánh giá được mức độ phát triển của trẻ, để tiếp tục hoàn thiện hay định hướng cho những hoạt động giáo dục trong giai đoạn tới. Mặt khác giáo viên cần chú ý động viên khuyến khích kịp thời những ưu điểm của trẻ hay điều chỉnh ngay những khiếm khuyết của trẻ [27].

Như vậy, Giáo viên mầm non phải nắm vững xu hướng đổi mới mầm non hiện nay, phải có những kỹ năng sư phạm cần thiết để có thể vừa là giáo viên, vừa là người chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng và chữa bệnh cho trẻ, là nghệ sĩ và là người mẹ thứ hai của trẻ.

1.2.2- Kỹ năng.

Các tác giả nghiên cứu về kỹ năng đã đưa ra những quan niệm khác nhau về kỹ năng. Trong các từ điển, kỹ năng được định nghĩa với nhiều cách như sau:

- Kỹ năng là “*cách thức thực hiện hành động đã được chủ thể tiếp thu, được đảm bảo bằng tập hợp các tri thức và kỹ xảo đã được lĩnh hội*” [41] Nói cách khác, kỹ năng chính là khả năng sử dụng tri thức vào hành động một cách có hiệu quả.

- Kỹ năng là khả năng vận dụng những kiến thức thu nhận được trong một lĩnh vực nào đó vào thực tế [38].

- Kỹ năng là khả năng con người sử dụng các tri thức và kỹ xảo đã có để lựa chọn và thực hiện các hành động tương ứng với mục đích đã đề ra.

- Kỹ năng là khả năng làm cái gì đó tốt và đúng cách.

Being able to do something well and in the right way.

[Oxford Basic English Dictionary - Oxford University Press (1988)]

- Kỹ năng là làm một cái gì đó, có được nhờ học tập, thử nghiệm [39].

- Kỹ năng hình thành bằng cách luyện tập và tạo ra khả năng thực hiện hành động không chỉ trong những điều kiện quen thuộc, mà còn cả trong những điều kiện đã ít nhiều thay đổi [40].

- Kỹ năng là khả năng vận dụng các tri thức khoa học thu thập được vào thực tiễn, trong đó khả năng được hiểu là “*sức đã có*” về mặt nào đó, để có thể làm tốt một việc gì.

- Kỹ năng là cách thức cơ bản để chủ thể thực hiện hành động, thể hiện bởi tập hợp những kiến thức đã thu lượm được và những thói quen, kinh nghiệm [2].

- Kỹ năng bao giờ cũng xuất phát từ kiến thức, dựa trên kiến thức, kỹ năng là kiến thức trong hành động [29].

Tổng kết các công trình nghiên cứu của một số tác giả cho thấy có hai loại quan niệm về kỹ năng như sau:

- *Loại thứ nhất* là xem kỹ năng như vấn đề kỹ thuật hành động

Theo V.X. Cudin, V.A Crutetxki, A.G Covaliov . . . Tsebuseva, Trần Trọng Thủy. . . kỹ năng là phương tiện thực hiện hành động phù hợp với mục đích và điều kiện hoạt động mà con người đã nắm vững mà không cần tính đến kết quả của hành động [44].

- *Loại thứ hai* là xem xét kỹ năng như năng lực của con người. Theo N.D Lêvitov, K.I Kixegof, K.K Platonop, G.G Golubev, Nguyễn Quang Uẩn, Ngô Công Hoàn, Nguyễn Ánh Tuyết, Trần Quốc Thành thì kỹ năng chính là năng lực thực hiện một công việc có kết quả với chất lượng cần thiết và với thời gian tương ứng trong điều kiện mới [47, 48].

Như vậy, quan niệm thứ hai có chú ý đến kết quả của hành động.

Để hình thành kỹ năng các tác giả đã chỉ ra rằng: Khi dạy một hoạt động mới nào đó, lúc đầu phải xác định mục đích của nó, sau đó chỉ ra và giúp người học hiểu được cách thực hiện hoạt động này, trình tự thực hiện các hoạt động và cung cấp các biểu tượng về kỹ thuật hoàn thành chúng [9]. Tri thức về mục đích của hoạt động, các khái niệm và các biểu tượng về các

phương thức đạt được mục đích đó cần được nắm vững trước khi hình thành các kỹ năng. Trong quá trình hình thành kỹ năng, các khái niệm, các biểu tượng và các kỹ xảo đã có sẽ được mở rộng hơn, trở nên sâu sắc hơn, hoàn thiện hơn, có thêm các yếu tố mới cần thiết cho việc hoàn thành hoạt động được lĩnh hội. Các kỹ năng chỉ được hình thành trong hoạt động thực tiễn nhờ luyện tập và dạy học.

Người có kỹ năng về hành động nào đó phải có tri thức về hành động đó, hành động theo đúng yêu cầu và đạt kết quả trong mọi điều kiện khác nhau.

K.I. Platonov và G.G. Golubev cũng chú ý tới mặt kết quả của hoạt động trong kỹ năng. Theo họ, kỹ năng là năng lực của người thực hiện công việc có kết quả với một chất lượng cần thiết trong những điều kiện mới và những khoảng thời gian tương ứng. Bất kỳ một kỹ năng nào cũng bao hàm trong nó cả biểu tượng, khái niệm, vốn tri thức, kỹ xảo tập trung, tự kiểm tra, điều chỉnh quá trình hoạt động cũng như kỹ xảo hoạt động. Hai ông cho rằng, trong quá trình hình thành kỹ năng các biểu tượng, khái niệm đã có sẽ được mở rộng ra, được làm sâu sắc hơn, được hoàn thiện hơn và được “*dày hơn lên*” bằng những nhân tố mới. Kỹ năng không mâu thuẫn với vốn tri thức, kỹ xảo. Kỹ năng chỉ được hình thành trên cơ sở của chúng. Như vậy, hai ông khẳng định rằng, trong việc hình thành kỹ năng bao hàm cả việc thông hiểu mối quan hệ qua lại giữa mục đích hành động, các điều kiện và cách thức hành động, trong cấu trúc của kỹ năng không chỉ bao hàm tri thức, kỹ xảo mà cả tư duy sáng tạo.

Sự vận hành kỹ năng là sự sử dụng tri thức để giải quyết nhiệm vụ nhất định. Đó là loại kiến thức thao tác (theo E.I. Boico), là tri thức trong hành động [14].

Kỹ năng thường có liên quan đến khả năng vận dụng kinh nghiệm cũ trong việc thực hiện những hoạt động mới trong điều kiện mới.

V.V Tsebucova khẳng định: “*Các quá trình nhận thức trong học tập càng tích cực bao nhiêu thì các kỹ năng, kỹ xảo càng hình thành nhanh chóng và hoàn thiện hơn bấy nhiêu*”. Vì vậy, nhà trường phải chú ý đúng mức đến chất lượng các kỹ năng cần hoàn thiện.

Theo Levitov: “*Người có kỹ năng hành động là phải nắm được và vận dụng đúng đắn các cách thức hành động nhằm thực hiện hành động có kết quả và để hình thành kỹ năng con người không chỉ nắm lý thuyết về hành động mà phải biết vận dụng vào thực tế*” [34]

Một số nhà khoa học Việt Nam như: Nguyễn quang Uẩn, Ngô Công Hoàn, Trần Quốc Thành, Trần Hữu Luyện cũng quan niệm kỹ năng là một mặt của năng lực con người thực hiện một công việc có kết quả.

Tiến sĩ Trần Thị Quốc Minh và một số tác giả khác xác định kỹ năng là sự thực hiện có kết quả một hành động nào đó bằng cách vận dụng những tri thức những kinh nghiệm đã có để hành động phù hợp với những điều kiện cho phép. Kỹ năng không chỉ đơn thuần về mặt kỹ thuật của hành động mà còn là biểu hiện năng lực của con người, muốn hình thành phải luyện tập theo một quy trình nhất định [31].

Xem xét các quan niệm về kỹ năng có thể khẳng định kỹ năng là thuật ngữ chỉ mức độ thành thạo áp dụng tri thức trong hành động, trong các thao tác hành động. Nói cách khác, kỹ năng chính là khả năng sử dụng tri thức vào hành động một cách có hiệu quả (có thể là hành động chân tay hay hành động trí óc). Kỹ năng có quan hệ mật thiết với kiến thức. Người có kỹ năng nào đó là người có kiến thức, có hiểu biết về hành động mà mình thực hiện. Sự hiểu biết đó giúp cá nhân hành động một cách có kỹ thuật, thuần thục, các thao tác diễn ra đạt mức độ tự động hóa nhất định. Tuy nhiên người có kiến thức về việc gì đó chưa thể gọi là người có kỹ năng. “Hiểu biết” và “Biết làm” là hai khái niệm khác nhau. Tác giả Nguyễn Đức Hưởng đưa ra các chỉ báo đánh giá mức độ thuần thục, thành thạo của kỹ năng như sau:

- Mức độ hiểu biết về hành động và các thao tác cấu thành hành động (ký hiệu là **K**).
- Tốc độ thực hiện hành động, thực hiện các thao tác cấu thành hành động (**S**).
- Tính nhịp nhàng trong phối hợp các thao tác hành động (**F**).
- Hiệu quả của hành động (số lượng, chất lượng) (**E**).

Có thể biểu diễn kỹ năng (**Sk**) bằng công thức sau: **Sk = K+ S+ F+ E**.

Khi đánh giá kỹ năng cần phải sử dụng tổng hợp các chỉ báo trên. Nếu chỉ sử dụng một chỉ báo đơn lẻ thì có thể dẫn đến nhầm lẫn (chẳng hạn như coi người có tri thức, hoặc người có hành động nhanh, hoặc người làm việc có hiệu quả là người có kỹ năng [24]).

Trên cơ sở xem xét các quan niệm về kỹ năng như đã trình bày ở trên đề tài xác định chọn khái niệm: Kỹ năng không chỉ đơn thuần về mặt kỹ thuật của hành động, mà còn là biểu hiện năng lực của con người. Kỹ năng là khả năng thực hiện có kết quả một hành động nào đó bằng cách vận dụng những tri thức và những kinh nghiệm đã có để đạt mục đích đề ra.

1.2.3- Kỹ năng nghề, kỹ năng sư phạm.

1.2.3.1- Kỹ năng nghề.

Theo quan điểm của Klimov, Platnov, Lomov... Phạm Tất Dong, Đặng Danh Ánh, Ngô Công Hoàn... thì kỹ năng nghề là những khả năng phù hợp với đòi hỏi riêng của nghề đó. Ngoài trình độ học vấn nói chung nhất thiết phải có những kiến thức cơ sở, cơ bản phục vụ cho nghề đó và chúng được gọi là kiến thức nghiệp vụ.

Theo James C. Hansen thì *"kỹ năng nghề là những khả năng mà con người có thể sử dụng những gì đã hiểu biết để đạt được những mục đích, những yêu cầu trong nghề nghiệp đề ra"*.

Sự lành nghề – đó là sự phát triển cao của các kỹ năng nghề nghiệp và là mục đích mong muốn cuối cùng của dạy nghề. Lành nghề là sự dễ dàng hoàn thành một cách chính xác, nhanh, sáng tạo những công việc phức tạp [11].

1.2.3.2- Kỹ năng sư phạm.

Ở một số nước Nga, Đức, Pháp, Hàn Quốc . . . người ta xác định những kỹ năng nghề dạy học (kỹ năng sư phạm) như:

- * Nhóm những kỹ năng thiết kế và tiến hành dạy học.
- * Nhóm các kỹ năng sư phạm nhằm phát triển thói quen hoạt động độc lập.
- * Nhóm các kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục.

Các nhà nghiên cứu Nga đã chỉ ra hệ thống kỹ năng sư phạm như : Kỹ năng thiết kế; Kỹ năng tổ chức; Kỹ năng định hướng; Kỹ năng giao tiếp; Kỹ năng định vị và điều khiển trong giao tiếp; Kỹ năng nhận thức; Kỹ năng nghiên cứu; Kỹ năng kích thích động viên... Theo O.A. Abdoullina thì kỹ năng sư phạm là sự linh hội những cách thức và biện pháp giảng dạy - giáo dục dựa trên sự vận dụng một cách tự giác các kiến thức Tâm lý - Giáo dục và Lý luận dạy học bộ môn. Dựa trên chức năng cơ bản của hoạt động dạy học mà phân thành hai loại kỹ năng: Kỹ năng dạy học và kỹ năng giáo dục [26].

Nhiều trường sư phạm trong khu vực và trên thế giới đều khẳng định rằng trong quá trình đào tạo giáo viên cần hình thành cho giáo viên khả năng giải quyết những nhiệm vụ sư phạm. Khả năng giải quyết những nhiệm vụ này phụ thuộc vào mức độ hình thành kỹ năng sư phạm ở người giáo viên. Nói cách khác, muốn thực thi có hiệu quả những nhiệm vụ sư phạm, người giáo viên cần có hệ thống các kỹ năng sư phạm, nhờ đó giải quyết những nhiệm vụ của mình một cách *“chuyên nghiệp”*. hệ thống những kỹ năng này cần được hình thành ở sinh viên ngay khi đang còn học ở trường sư phạm.